

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ TỰ KỶ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ThS. Phan Ngọc Thiết Kế

Khoa GDTC - Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Trên cơ sở điều tra, tìm hiểu bài viết tập trung làm rõ thực trạng nhận thức của giáo viên (GV) và phụ huynh (PH) của trẻ tự kỷ (TTK) học tại các trường mầm non và trung tâm can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập về thực trạng giáo dục kỹ năng vận động cho TTK. Những thuận lợi, khó khăn và những mong muốn của GV, PH trong quá trình giáo dục kỹ năng vận động cho TTK đồng thời chỉ ra những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ tại thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: Thực trạng; kỹ năng vận động; giáo viên; trẻ tự kỷ.

Abstract: On the basis of the investigation and study of articles, focusing on clarifying the cognitive status of teachers and parents of autistic children who study in preschools and early intervention centers and inclusive education on the status of motor skills education for autistic children. The advantages, difficulties and expectations of teachers and parents in the process of educating motor skills for autistic children at the same time pointing out the basic factors has influence on the education of motor skills for autistic children in Da Nang city.

Keywords: Status; motor skills; teachers; autistic children.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đa số trẻ tự kỷ (TTK) đều gặp khó khăn về vận động, trong đó có khoảng 1/3 số trẻ thuộc thể I, khó hoạt hóa được hoạt động vận động của cơ thể trẻ; 2/3 số trẻ thường tăng năng động và khó khăn trong việc tự kiểm soát hành vi của mình; thêm vào đó là vấn đề khó khăn trong khả năng điều hòa cảm giác cơ thể. Vận động là kỹ năng nền tảng góp phần giúp TTK kiểm soát hành vi, hoạt hóa hành vi - vận động, đẩy nhanh hoặc kiểm soát tốc độ và khả năng tư duy. Vậy, tác động đến vận động là điều đầu tiên cần thực hiện để giúp trẻ giữ cơ thể trong trạng thái cân bằng để có thể hoạt động, học tập và làm việc hiệu quả.

Vì thế để giúp cho các nhà chuyên môn, các nhà quản lý giáo dục có cơ sở nhìn nhận và có những định hướng thay đổi trong thời gian tới để đẩy mạnh phát triển khả năng vận động của TTK góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho TTK trong các trường và trung tâm can

thiệp sớm tại thành phố Đà Nẵng. Xuất phát từ lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động (KNVD) của TTK tại thành phố Đà Nẵng.”**

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp quan sát; phương pháp phỏng vấn; phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng giáo dục KNVD cho TTK

1.1. Đánh giá về những khó khăn của TTK

Qua kết quả khảo sát tại các trung tâm dạy trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Chúng tôi đã đưa ra được những khó khăn thường gặp của trẻ tự kỷ trong quá trình hòa nhập. Để đưa ra được những khó khăn chính, chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV và PH kết quả được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Những khó khăn của TTK

TT	Khó khăn của trẻ	GV (n = 80)			PH (n = 50)		
		TB	SD	Thứ bậc	TB	SD	Thứ bậc
1	Các KN vận động	0,23	0,43	6	0,22	0,42	6
2	KN tự phục vụ	0,33	0,48	5	0,31	0,47	5
3	Tương tác xã hội	0,80	0,41	1	0,66	0,48	2
4	Ngôn ngữ - giao tiếp	0,60	0,50	2	0,79	0,40	1
5	Nhận thức	0,37	0,49	4	0,34	0,48	4
6	Hành vi	0,53	0,43	3	0,51	0,50	3
7	Giác quan	0,13	0,48	7	0,14	0,36	7

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy: Về những khó khăn từ chính bản thân trẻ, cả GV và PH đều đưa ra 3 khó khăn lớn nhất của trẻ đó là: tương tác xã hội, ngôn ngữ - giao tiếp, hành vi. Trên thực tế, những khó khăn này gây ra rất nhiều bất lợi cho trẻ khi tham gia vào môi trường lớp học.

1.2. Nhận thức của GV và PH về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc GD KNVĐ cho TTK

Để đánh giá mức độ quan trọng và ý nghĩa của việc GD KNVĐ cho TTK, chúng tôi tiến hành phỏng vấn để tìm hiểu nhận thức của PH và GV đối với việc giáo dục KNHĐ cho TTK được thể hiện ở Bảng 2:

Bảng 2. Nhận thức của GV, PH đối với việc GD KNVĐ cho TTK

Mức độ	Giáo viên (%) (n = 80)	Phụ huynh (%) (n = 50)	Chung (%) (n = 130)
Rất quan trọng	73,33	74,29	73,85
Quan trọng	26,67	25,71	26,15
Ít quan trọng	0	0	0
Không quan trọng	0	0	0

Nhìn vào Bảng 2 ta thấy cả PH và GV đều đánh giá rất cao việc dạy KNVĐ cho TTK, 73,85% kết quả chung hai nhóm đánh giá là rất quan trọng và 26,15% cho rằng quan trọng. Kết quả này phản ánh nhận thức tiên bộ cũng như kỳ vọng rất cao của PH và GV đối với việc giáo dục KNVĐ cho TTK.

1.3. Nhận thức về giáo dục nội dung phát triển khả vận động cho trẻ tự kỷ

Để làm rõ về giáo dục nội dung phát triển khả vận động cho TTK, chúng tôi đã phỏng vấn tìm hiểu nhận thức của PH và GV về những kỹ năng cần quan tâm và giáo dục phát triển khả vận động cho trẻ tự kỷ được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Nhận thức của GV và PH về giáo dục nội dung phát triển khả vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Nội dung giáo dục	Khách thể	Ý kiến đánh giá (%)		
			Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	GV = 80	94,69	5,31	0
		PH = 50	86,72	13,28	0
2	Kỹ năng vận động bò, trườn, trèo	GV = 80	92,92	7,08	0
		PH = 50	84,07	15,94	0

3	Kỹ năng vận động ném, chuyền và bắt	GV = 80	90,26	9,74	0
		PH = 50	81,41	18,59	0
4	Kỹ năng vận động nhảy - bật	GV = 80	89,38	10,62	0
		PH = 50	80	20	0
5	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay - mắt.	GV = 80	96,46	3,54	0
		PH = 50	90	10	0

Qua kết quả Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ khá cao GV và PH nhận thức đúng về những kỹ năng cần quan tâm và giáo dục phát triển khả năng vận động cho trẻ tự kỷ, nhận thức được sự rất cần thiết việc giáo dục nội dung phát triển khả năng vận động cho trẻ tự kỷ chiếm tỷ lệ từ 80 - 90%.

1.4. Thực trạng GV đang sử dụng các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK

Để tìm hiểu về thực trạng GV đang sử dụng các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK và

hiệu quả của các phương pháp mà GV đang sử dụng chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV hiện đang giảng dạy tại các trung tâm dạy trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kết quả được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Mức độ sử dụng và hiệu quả các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK các GV đang sử dụng

TT	Phương pháp giáo dục KNVĐ	Mức độ sử dụng			Hiệu quả		
		TB	SD	Thứ bậc	TB	SD	Thứ bậc
1	Sử dụng các phương pháp chuyên biệt dành cho trẻ tự kỉ	0,93	0,78	6	0,60	0,72	7
2	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá biệt hoá (IEP)	0,70	0,75	8	0,43	0,63	9
3	Khuyến khích, khen thưởng	1,93	0,25	3	1,87	0,35	1
4	Trách phạt	1,80	0,41	4	1,47	0,73	2
5	Thị phạm	2,00	0,00	1	1,40	1,72	3
6	Phân tích kết hợp thị phạm	2,00	0,00	1	1,17	0,60	4
7	Phương pháp tăng tiến	0,07	0,25	13	0,10	0,40	13
8	Sử dụng giáo cụ trực quan	0,93	0,78	6	0,87	0,90	6
9	Kết hợp số hoá giáo trình giảng dạy	0,47	0,73	10	0,40	0,42	10
10	Phương pháp đóng vai	0,50	0,75	8	0,33	0,71	11
11	Phương pháp trò chơi	0,50	0,73	9	1,13	0,82	5
12	Phương pháp dạy học khám phá	0,37	0,61	11	0,28	0,63	14
13	Phương pháp dạy học trải nghiệm	1,47	0,63	5	0,47	0,73	8
14	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề	0,33	0,71	12	0,30	0,53	12

Xem xét các chỉ số trên Bảng 4 chúng tôi đi đến một số nhận định: GV đã biết sử dụng khá phong phú các phương pháp dạy học khác nhau vào giáo dục KNVĐ cho TTK. Tuy nhiên, mức độ sử dụng và hiệu quả của mỗi phương pháp lại khác nhau. Qua Bảng 4 ta thấy: các phương pháp dạy học Phân tích kết hợp thị phạm, Thị phạm, khen thưởng, trách phạt, Phương pháp dạy học trải nghiệm và sử dụng các phương pháp chuyên biệt dành cho trẻ tự kỉ là các phương pháp được họ sử dụng nhiều nhất và hiệu quả đem lại trong quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK.

2. Những thuận lợi, khó khăn và những mong muốn của GV, PH trong quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK

Về phía GV: Hầu hết các GV đều đưa ra những thuận lợi như được trung tâm, nhà trường quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, tạo điều kiện về thời gian để đi học nâng cao trình độ chuyên môn, được PH hiểu và cảm thông cho những khó khăn vất vả của họ, nhiều PH thường xuyên trao đổi hàng ngày với GV về tình hình học tập, giáo dục KNVĐ ở nhà cho con. Mặt khác, họ cũng đưa ra những khó khăn như: chưa có chương trình chung cho lớp, GV tự biên soạn; trách nhiệm công việc nặng nề vì chỉ có 2GV/10 - 15 HS/lớp, áp lực nâng cao trình độ chuyên môn; gánh nặng cơm áo gạo tiền và chăm sóc con cái mất nhiều thời gian.

Bên cạnh những PH tích cực, cũng có không ít PH không chủ động trao đổi, chia sẻ về việc giáo dục con ở nhà, một số PH “gửi trọn niềm tin” nơi GV, một số PH thuê xe ôm đưa đón con mà không quan tâm tới con.

Về phía PH: Những thuận lợi được PH liệt kê gồm có: được nâng cao nhận thức về TTK và phương pháp, biện pháp giáo dục TTK qua các khóa tập huấn, chia sẻ chuyên môn của các cán bộ, GV có chuyên môn từ phía trung tâm, trường chuyên biệt; Các GV yêu nghề, yêu trẻ, hợp tác chặt chẽ với gia đình cùng giáo dục con. Bên cạnh đó, các PH cũng đưa ra khá nhiều những khó khăn như: chi phí giáo dục cao, áp lực học hành của con cũng đè nặng lên vai bố mẹ; cái nhìn chưa đúng của xã hội đối với TTK, thời gian đưa đón con đi học các nơi tốn rất nhiều thời gian, Trong gia đình chưa thống nhất cách giáo dục con; PH ít được tập huấn về cách giáo dục KNVĐ cho trẻ...

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK

Để tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK. Kết quả cho thấy, vấn đề giáo dục KNVĐ chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu là các yếu tố sau: bản thân trẻ, GV, gia đình, trung tâm chuyên biệt. Được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 5. Những yếu tố từ TTK ảnh hưởng đến giáo dục KNVĐ cho TTK

TT	Các yếu tố từ trẻ	GV (%) (n = 80)	PH (%) (n = 50)	Chung (%) (n = 130)
1	Vận động	86,67	65,71	75,38
2	Nhận thức	100	100	100
3	Ngôn ngữ	63,33	80	72,31
4	Tương tác xã hội	70	91,43	81,54
5	Hành vi	100	100	100
6	Giác quan	53,33	34,29	43,08
7	Khác: Sở thích, điểm mạnh	73,33	65,71	69,23

Cả GV và PH đều cho rằng những khó khăn từ bản thân trẻ là những yếu tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của việc GV giáo dục những KNVD cho trẻ trong đó các yếu tố

cơ bản là khiếm khuyết trong nhận thức, hành vi rập khuôn, tương tác xã hội, vận động, giác quan, ngôn ngữ.

Bảng 6. Những yếu tố từ GV ảnh hưởng đến giáo dục KNVD cho TTK

TT	Các yếu tố từ GV	GV (%) (n = 80)	PH (%) (n = 50)	Chung (%) (n = 130)
1	Năng lực chuyên môn	96,67	91,43	93,85
2	Kỹ năng sư phạm	93,33	94,29	93,85
3	Lòng yêu nghề	86,67	82,86	84,62
4	Lòng yêu trẻ	90	88,57	89,23
5	Kinh nghiệm làm việc với TTK	83,33	85,71	84,62
6	Khác	40	25,71	32,31

Cả GV và PH đều cho rằng yếu tố tác động trực tiếp đến công tác giáo dục KNVD cho TTK chính là người GV dạy trẻ. Nhìn vào Bảng 6 ta thấy: yếu tố đầu tiên ảnh hưởng tới giáo dục KNVD cho TTK là yếu tố năng lực chuyên môn và KN sư phạm (93,85%). Tiếp theo là yếu

tố yêu trẻ (89,23%), yêu nghề (84,62%). Như vậy, các yếu tố về năng lực chuyên môn, KN sư phạm, lòng yêu nghề, yêu trẻ và kinh nghiệm làm việc với TTK sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình giáo dục KNVD của TTK.

Bảng 7. Những yếu tố từ gia đình ảnh hưởng đến giáo dục KNVD cho TTK

TT	Các yếu tố từ gia đình	GV (%) (n = 80)	PH (%) (n = 50)	Chung (%) (n = 130)
1	Sự quan tâm chăm sóc cho trẻ	40	51,43	56,15
2	Tình yêu thương dành cho trẻ	63,33	71,43	67,69
3	Sự quan tâm giáo dục cho trẻ	96,67	80	87,69
4	Mong muốn/kì vọng của gia đình	73,33	82,86	78,46
5	Hiểu rõ khó khăn, điểm mạnh của trẻ	70	94,29	83,08

Nhìn vào bảng 7, ta thấy: các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVD cho TTK là: Sự quan tâm giáo dục cho trẻ (87,69%); Hiểu rõ những khó khăn, điểm mạnh của trẻ (83,08%); Mong muốn/kì vọng của gia

đình (78,46%) và tình yêu thương dành cho trẻ (67,69%) đều sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến quá trình giáo dục cho TTK.

Bảng 8. Yếu tố từ trung tâm can thiệp ảnh hưởng đến giáo dục KNVD cho TTK

TT	Các yếu tố từ trung tâm can thiệp	GV (%) (n = 80)	PH (%) (n = 50)	Chung (%) (n = 130)
1	Môi trường vật chất trong lớp học	80	62,86	70,77
2	Môi trường tâm lí trong lớp học	93,33	88,57	90,77
3	Sự hỗ trợ từ bạn bè	93,33	82,86	87,69
4	Mục đích của lớp nhóm	96,67	85,71	90,77
5	Khác	40	14,29	26,15

Trung tâm can thiệp chính là cơ sở tổ chức các lớp học nhỏ để giúp TTK có môi trường để chuẩn bị các KNVD cơ bản để phát triển khả năng vận động cho trẻ được thuận lợi. Nhìn vào Bảng 8 ta thấy: 2 yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến giáo dục KNVD cho TTK là mục đích của lớp nhóm (90,77%) và môi trường tâm lí trong lớp học (90,77%). Xếp ở vị trí thứ hai là yếu tố “sự hỗ trợ từ bạn bè” (87,69%), xếp ở vị trí thứ ba là “Môi trường vật chất trong lớp học” (70,77%).

KẾT LUẬN

- Về những khó khăn từ chính bản thân trẻ, cả GV và PH đều đưa ra 3 khó khăn lớn nhất của trẻ đó là: tương tác xã hội, ngôn ngữ - giao tiếp, hành vi. Các GV và PH đều cho rằng giáo dục KNVD cho TTK là rất quan trọng và rất khó. Tỷ lệ khá cao giáo viên và phụ huynh nhận thức đúng về những kỹ năng cần quan tâm và giáo dục phát triển khả năng vận động cho trẻ tự kỷ,

nhận thức được sự cần thiết giáo dục nội dung phát triển khả năng vận động cho trẻ tự kỷ.

- Các phương pháp mà GV và PH lựa chọn nhiều và cũng đem lại hiệu quả giáo dục cao gồm có: các phương pháp dạy học phân tích kết hợp thị phạm, thị phạm, khen thưởng, trách phạt; phương pháp dạy học trải nghiệm và sử dụng các phương pháp chuyên biệt dành cho trẻ tự kỷ. Tuy nhiên, trên thực tế do điều kiện khách quan và chủ quan từ phía GV, do tính phù hợp của các phương pháp chưa cao... nên kết quả thu được vẫn còn hạn chế.

- Quá trình giáo dục KNVD cho TTK chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: bản thân trẻ, trình độ của GV, gia đình trẻ, trung tâm can thiệp. Các yếu tố này nếu có sự phối hợp với nhau nhịp nhàng sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho trẻ, tuy nhiên nếu như các yếu tố này tách rời nhau thì tất yếu sẽ gây ra bất lợi cho trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Minh Huệ (2017), “Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục số 150 kỳ 1*, tr. 52-54.
- [2]. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Greenspan S.I and Wieder S (2006), *Engaging Autism*, Da Capo, U.S.A.
- [4]. **李翠玲.个别化教育计划(IEP)理念与实施[M].台湾:心理出版社, 2012.**